

BƯỚC ĐẦU KHẢO SÁT HÌNH THÁI CẤU TRÚC CỦA CÁC THÀNH NGỮ SO SÁNH NGANG BẰNG TIẾNG ANH (TRONG SỰ LIÊN HỆ VỚI TIẾNG VIỆT)

**A preliminary study on the morphology and structure
of equal comparisons in English idioms (in comparison with Vietnamese)**

HOÀNG TUYẾT MINH

(TS; Viện Đại học Mở Hà Nội)

Abstract: This paper investigates the structures of similes in English idioms which contain means of expressing equal comparisons such as "*as, like, as if/ though, the same*" and some certain verbs in collocation with these means comparison expression. Basing on the survey of 415 English idoms, we identified the basic structures of this kind of English idioms, which includes 3 components: attribute of comparison (t), means of equal comparison expression (tss) and comparison standards (CSS). We divided equal comparison idioms in English into 4 groups with 11 types of structure. Each group is determined by the existence of basic components and particularly by means of expressing equal comparison. Some similarities and differences between equal comparisons in English and Vietnamese in term of its types, its components and realization of each component are also pointed out in this study.

Key words: idioms; structures; comparisons; components; realization; expression; attribute.

1. Đặt vấn đề

1.1. Thành ngữ một đơn vị ngôn ngữ được sử dụng rộng rãi trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân, vì thế, thành ngữ là nguồn đề tài vô cùng phong phú cho các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học để tâm nghiên cứu. Việc nghiên cứu thành ngữ tiếng Anh và tiếng Việt đã được nhiều nhà nghiên cứu ngôn ngữ học đề cập đến. Ở nước ngoài, thành ngữ tiếng Anh được rất nhiều các công trình nghiên cứu như Fernando, C. (1996), Broukal. M (1999); S; Siefring, J. (2004) Brown, K. et al (2006),...nhưng chưa có một công trình nghiên cứu nào thống kê riêng các thành ngữ so sánh nói chung và thành ngữ so sánh ngang bằng nói riêng. Trong nước, các thành ngữ so sánh tiếng Việt cũng được các nhà ngôn ngữ học lưu tâm

từ lâu như nghiên cứu của V. Bác-bi-ê (1925), Trương Đông San (1974), Hoàng Văn Hành (1976), Nguyễn Thế Lịch (2001) và (2003),...nhưng cũng chưa có một công trình nghiên cứu nào, theo chúng tôi được biết, thực hiện việc so sánh tổng thể các thành ngữ có chứa các biểu thức so sánh ngang bằng tiếng Anh với tiếng Việt.

Theo từ điển *Oxford Advanced Learner's Dictionary* (1992, tr.448), thành ngữ tiếng Anh (idioms) có hai nghĩa: nghĩa thứ nhất là "*một loại ngôn ngữ có tính chất đặc trưng, riêng biệt (đặc ngữ) nằm trong hệ thống ngôn ngữ chung của một dân tộc, một đất nước, thậm chí của một vùng hay của một cá nhân*"; nghĩa thứ hai là "*một cụm từ mà nghĩa nó khác với nghĩa của từng từ riêng lẻ*", có nghĩa là nghĩa của thành ngữ không phải là được suy ra từ nghĩa của các

đơn vị từ cấu tạo nên thành ngữ. Theo *Đại từ điển tiếng Việt* (1998, tr. 1530), thành ngữ là “tập hợp từ cố định quen dùng, có nghĩa định danh, gọi tên sự vật, thường không thể suy ra từ nghĩa của từng từ cấu thành, được lưu chuyển trong dân gian và văn chương.”

Chúng tôi sử dụng thành ngữ theo nghĩa thứ nhất trong từ điển *Oxford advanced learner's dictionary*, vì chúng ta có thể ghép các từ trong một thành ngữ lại với nhau thành một cụm từ có nghĩa, thường có hình ảnh, từ hình ảnh cụ thể này, cụm từ đó mang thêm một nghĩa mới, đó là nghĩa biểu trưng, khái quát hơn nghĩa cụ thể ban đầu. Do đó, theo quan điểm của bài viết, thành ngữ là một ngữ cố định, hoàn chỉnh và bóng bẩy về nghĩa, được lưu truyền và sử dụng rộng rãi trong đời sống hàng ngày của nhân dân.

1.2. Các nhà ngôn ngữ học đều cho rằng so sánh, tỉ dụ và ẩn dụ đều là các khái niệm có liên quan mật thiết với nhau, trong đó so sánh có khái niệm rộng nhất, là xem xét các sự vật hiện tượng có những điểm gì giống nhau và khác nhau. So sánh là một thao tác của tư duy, đem sự vật này đối chiếu với sự vật khác, để thấy sự tương đồng và khác biệt giữa chúng. Không phải ngẫu nhiên mà người phương Tây có câu châm ngôn nổi tiếng: “Chân lí chỉ được nhận thức ra trong sự so sánh!”. Tỉ dụ và ẩn dụ được xác định là các dạng thức khác nhau của so sánh. Tỉ dụ là bộ phận của so sánh, lấy sự vật hiện tượng này để thuyết minh, minh chứng hoặc làm sáng tỏ cho sự vật, hiện tượng kia hay còn gọi là “so sánh hiện” như *as white as snow* (trắng như tuyết), *as hard as nails* (khỏe như vôi),... Còn ẩn dụ là so sánh tu từ, “nghĩa của ẩn dụ không phải là cái gì khác ngoài nghĩa đen của từ được dùng trong lời nói... Ẩn dụ nhờ sự giống nhau giúp ta nhìn thấy đối tượng này thông qua đối tượng kia” (Nguyễn Văn Cơ 2008, tr. 68) hay ẩn dụ còn gọi là “so sánh ẩn” như *mặt sửa gan lim, cha giăng mẹ cuội*.

Trong bài viết này chúng tôi khảo sát những thành ngữ so sánh ngang bằng (TNSSNB) tiếng Anh có chứa các biểu thức hay các phương tiện

biểu đạt so sánh ngang bằng như *as quick as flash* (nhANH NHƯ chớp), *like hell* (NHƯ ĐỊA NGỤC), *as if by magic* (NHƯ CÓ PHÉP MÀU), *chatter like a magpie* (HÓT NHƯ KHUỜU), *be out like a light* (NGỦ SAY NHƯ CHẾT). Cụ thể hơn so sánh trong bài viết này dừng lại ở mức so sánh thông thường hay còn gọi là so sánh **tỉ dụ**. Chủ yếu chúng tôi tiến hành khảo sát các mô hình hình thái-cấu trúc của các thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Anh, sự nhận dạng hình thái-cấu trúc (HTCT) của các thành tố tham gia trong các mô hình kết cấu của các thành ngữ so sánh ngang bằng đó, còn ngữ nghĩa của thành ngữ so sánh ngang bằng chúng tôi chưa đề cập đến ở đây. Tuy nhiên, trong quá trình mô tả HTCT của các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh, chúng tôi cố gắng tìm các thành ngữ so sánh ngang bằng tương đương hoặc những ý tương đương biểu đạt trong tiếng Việt để minh họa, từ đó sẽ giúp cho việc hiểu ý nghĩa của các thành ngữ dễ dàng hơn.

2. Hình thái - cấu trúc của các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh

Qua khảo sát 415 thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh, chúng tôi thấy, do đặc trưng cấu trúc của thành ngữ là *ngữ cố định* nên HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh về cơ bản có 3 thành tố như sau: thuộc tính của so sánh (t), từ biểu hiện quan hệ so sánh (tss) và chuẩn so sánh (CSS) tạo thành kết cấu **t + tss + CSS**. Nhưng trên thực tế, các thành tố kết cấu HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh không phải lúc nào cũng cố định ba thành tố trên, do đặc trưng loại hình ngôn ngữ của các từ biểu hiện quan hệ so sánh (tss) trong cấu trúc tiếng Anh và do thói quen sử dụng của các thành ngữ trong lời ăn tiếng nói hàng ngày của nhân dân quy định. Hình thái cấu trúc của các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh được chúng tôi phân loại như sau:

(A): tss1 + t + tss2 + CSS

Trong HTCT (A) cho thấy TNSSNB tiếng Anh có 4 thành tố khi mà từ biểu hiện quan hệ so sánh là cặp từ tương liên *as₁... as₂*, khi đó thành ngữ so sánh ngang bằng có HTCT là tss1

+ t + tss_2 + CSS. Cấu trúc các thành ngữ so sánh ngang bằng chứa cặp từ tương liên $as_1...$ as_2 chiếm tỉ lệ cao nhất trong số thành ngữ so sánh ngang bằng được khảo sát (52,53%). Ví dụ: *as busy as a bee* (*đầu tắt mặt tối*); *as clear as crystal* (*rõ như ban ngày*).

Thuộc tính t thường được nhận dạng chủ yếu là các tính ngữ chỉ trạng thái, khi đó CSS có thể là danh ngữ hoặc mệnh đề. Ví dụ:

as white as a sheet/ ghost (CSS là danh ngữ; *mặt trắng bệch/ mặt cắt không còn giọt máu*); *as good as done* (CSS là mệnh đề không biến vị; *gần như đã làm xong*); *as clear as that two and two make four*. (CSS là mệnh đề biến vị; *rõ như ban ngày*)

(A1): t + tss + CSS

Trong CTHT (A), as_1 thường ở dạng không bắt buộc phải hiện diện, do đó HTCT (A) có dạng $t + as_2 + CSS$, chiếm tới 65,14% của các thành ngữ so sánh ngang bằng có HTCT (A), khi đó HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng là $t + tss + CSS$, thành tố t là các tính ngữ và CSS là danh ngữ. Ví dụ:

(as) *quick as a flash/ lightning* (*nhANH NHƯ chớp*); (as) *bald as a billiard ball* (*trọc lông lóc như củ bình vôi*)

(A2): tss + CSS

Trong một số cấu trúc biến thể, thành tố as_1 và thuộc tính t đều không cần xuất hiện, lúc này HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng chỉ còn $tss + CSS$, cụ thể là $as_2 + CSS$; đôi khi thành tố as_2 cũng không bắt buộc chỉ còn lại CSS, CSS thường là mệnh đề biến vị. Ví dụ:

(As) *the day is long* (*như ngày dài*); (As) *the crow flies*. (*[thẳng tắp] như cánh cò bay*)

Ở dạng phủ định HTCT (A) của các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh có cấu trúc *not tss (as₁/so) + t + tss (as₂) + CSS*. CSS cũng có thể là danh ngữ hoặc các mệnh đề. Ví dụ: *Not as/ so black as one/ it is painted* (*không thể tối như người ta nói*)

(B): t + tss + CSS

HTCT của các thành ngữ so sánh ngang bằng có 3 thành tố thường xuất hiện khi thuộc tính so sánh t là các phương tiện từ vựng kết

hợp với tss chủ yếu để thể hiện các hành động, sự kiện và sự việc, do đó các phương tiện từ vựng này thường là các động từ. Số lượng các thành ngữ so sánh ngang bằng có t là các động từ từ vựng đứng thứ hai trong số các thành ngữ so sánh ngang bằng, chiếm 27,47%. Sau đây, chúng tôi phân chia các thành ngữ so sánh ngang bằng theo các HTCT về khả năng kết hợp của các động từ với các từ biểu hiện quan hệ so sánh (tss):

(B1) $t(V) + tss (as) + CSS$

Số lượng các động từ từ vựng (V) tiếng Anh nói chung trong HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng chứa $tss (as)$, chiếm tới 27,47%, thành tố là CSS rất phong phú. Ví dụ:

fit as a fiddle (CSS là danh ngữ; *khỏe như vâm*); *know somebody as a person knows his ten fingers* (CSS là mệnh đề biến vị; *biết rõ ai như lòng bàn tay*)

(B2): $t(V) + tss (like) + CSS$

Số lượng các TNSSNB tiếng Anh có HTCT là động từ vựng kết hợp với $tss (like)$ chiếm tỉ lệ rất cao trong số TNSSNB là các động từ vựng chứa các tss , 82,46%, CSS là danh ngữ. Ví dụ:

talk like a book (*nói như sách*); *chatter like a magpie* (*hót như khướu*); *go like hot cakes* (*bán chạy như tôm tươi*.)

(B3): $t(V) + tss (as if/ though) + CSS$

Một số các động từ từ vựng kết hợp $tss (as if/ though)$ khi đó CSS thường là các mệnh đề. Ví dụ:

stand as if rooted to the ground (*đứng như trời trồng*)

(B4) $t + tss (like) + CSS$

Trong HTCT của TNSSNB có 3 thành tố, ngoài thuộc tính t là các động từ từ vựng ra còn có một số từ loại khác kết hợp với $tss (like)$ như kiểu: *drunk like a fiddler* (t là tính ngữ - CSS là danh ngữ; *say như chết*); *off like a shot* (t là trạng từ - CSS là danh ngữ; *lao như tên bắn*); *No wisdom like silence* (t là danh ngữ - CSS là danh từ; *im lặng là vàng*)

(C): $tss + CSS$

(C1) $tss (like) + CSS$

Các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh có HTCT 2 thành tố với *tss* là *like* chiếm 12,77% trong số những thành ngữ so sánh ngang bằng được khảo sát. HTCT phổ biến nhất của các thành ngữ so sánh ngang bằng với CSS là:

like **hell** (CSS là danh ngữ; *như địa ngục*);
like **looking for a needle in a haystack** (CSS là danh ngữ; *như mò kim đáy bể*); like **by magic** (CSS là giới ngữ; *như có phép màu*);
like **to like** (CSS là giới ngữ; *ngưu tâm ngưu, mã tâm mã*)

(C2): *tss* (as if/ though) + CSS

Trong các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh, cấu trúc thành ngữ so sánh ngang bằng chứa *as if/ though* là nhóm có số lượng thành ngữ ít nhất chỉ chiếm 0,48%, có HTCT là *as if* + CSS. Ví dụ:

as if **by magic** (CSS là giới ngữ; *như có phép màu*); as if **somebody were born yesterday** (CSS là mệnh đề biến vị; *như là người của quá khứ*)

(C3): *tss* (the same) + CSS

Cấu trúc thành ngữ so sánh ngang bằng chứa *the same* thường xuất hiện ở dưới dạng giới ngữ, hay kết hợp với giới từ *of, with* hay *in*, còn CSS thường là danh ngữ. Ví dụ:

of the same batch (*cùng một loại, cùng một giuộc*); **in** the same boat (*as someone*)
(*cùng chung cảnh ngộ, đồng hội đồng thuyền*)

(D): Động từ quan hệ (Vqh) + *tss* + CSS

Động từ quan hệ tiếng Anh có hai nhóm là nhóm BE và BECOME (x.7), thì nhóm động từ BE gồm có *be, look* và *feel* là các động từ kết hợp với các *tss* tạo thành các HTCT của các thành ngữ so sánh ngang bằng. Thực chất các thành ngữ so sánh ngang bằng nhóm D là các dạng biến thể của các HTCT trên, cụ thể như sau:

(D1): Vqh (be) + *tss* + CSS

Cấu trúc thành ngữ so sánh ngang bằng nhóm D1 chiếm tỉ lệ 5,06% trong số thành ngữ so sánh ngang bằng ở diện khảo sát. Các HTCT chứa *be* cũng rất đa dạng, khi thì nó xuất hiện

trong cấu trúc chính nó là từ biểu hiện quan hệ so sánh (*tss*), khi nó lại xuất hiện đồng thời với các từ biểu hiện quan hệ khác, khi nó là thành phần bắt buộc, nhưng cũng có khi nó là thành phần không bắt buộc:

- *Be* xuất hiện cùng cặp tương liên *as₁ ... as₂* khi mà thuộc tính so sánh *t* là những tính ngữ thì CSS là: *be as broad as it's long* (CSS là mệnh đề biến vị; *đằng nào cũng vậy*); *be as drunk as a fish* (CSS là danh ngữ; *say bí tí*)

- *Be* xuất hiện cùng *tss like*, có CSS là:

Be out like a light (CSS là danh ngữ; *ngủ say như chết*); *be like looking for a needle in a hay stack* (CSS là mệnh đề không biến vị; *như mò kim đáy bể*)

- *Be* là thành phần không bắt buộc trong một số thành ngữ so sánh ngang bằng chiếm 47,62% trong số thành ngữ so sánh ngang bằng chứa động từ quan hệ *be, t* có thể là danh ngữ, tính ngữ, *tss* thường là cặp tương liên *as₁... as₂* hoặc *like* còn CSS có thể là danh ngữ hoặc các mệnh đề. Ví dụ:

(be) **as clever as they make'em** (CSS là mệnh đề biến vị; *khôn như ranh*); (be) **so bold as to do sth** CSS là mệnh đề không biến vị; *tự nhiên như ruồi*); (be) **like the clappers** (CSS là danh ngữ; [*nhanh*] *như tên bắn*); (be) **like a cat on hot bricks** (CSS là danh ngữ; *như ngồi trên đồng lửa*).

- **Vqh (be) + *tss* (the same) + CSS**: *tss the same* thường xuất hiện dưới hình thái là giới ngữ, còn CSS là danh ngữ. Ví dụ:

(be) **tarred with the same brush/ stick** (*cùng một giuộc*); (be) **of the same leaven**; *cùng một giuộc*)

(D2): Vqh (look/ feel) + *tss* + CSS

Trong số các động từ kết hợp với các từ *tss*, động từ *look* là động từ tương đối phổ biến, vì nó kết hợp được với cả hai từ *tss* trong thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh là *like* và *as if/ though*. Ví dụ:

look like a drowned rat (*tss like* + CSS là danh ngữ; *ướt như chuột lột*)

look like **the cat that swallowed the canary** (tss *like* + CSS là mệnh đề biến vị; *như mèo bắt được chuột*); look as if **butter would not melt in one's mouth** (tss *as if* + CSS mệnh đề biến vị; [*như*] *giả ngậy, giả ngô*).

Ngoài ra, còn có động từ quan hệ *feel* cũng kết hợp với tss (*like*). Ví dụ:

feel like a new person/ man (CSS là danh ngữ; *như được lột xác*); **feel like putting somebody on** (CSS là mệnh đề không biến vị; *như có ý muốn giúp đỡ ai*)

BẢNG TỔNG HỢP HÌNH THÁI-CẤU TRÚC CỦA CÁC TNSSNB TIẾNG ANH

| NHÓM | | HÌNH THÁI CẤU TRÚC | | | |
|----------------------|----|--------------------|-----------------|----------------------|----------|
| | | tss1 | t | tss2 | CSS |
| A | A1 | <i>as1</i> | tính ngữ | <i>as2</i> | danh ngữ |
| | | | | | mệnh đề |
| | | | tính ngữ | <i>as2</i> | danh ngữ |
| | A2 | ∅ | ∅ | (<i>as</i>) | mệnh đề |
| B | | ∅ | t | tss | CSS |
| | B1 | ∅ | V | <i>as</i> | danh ngữ |
| | | | | | mệnh đề |
| | B2 | ∅ | | <i>like</i> | danh ngữ |
| | B3 | ∅ | | <i>as if/ though</i> | mệnh đề |
| | B4 | ∅ | tính ngữ | <i>like</i> | danh ngữ |
| | | | trạng ngữ | | danh ngữ |
| danh ngữ | | | danh ngữ | | |
| C | | ∅ | ∅ | tss | CSS |
| | C1 | ∅ | ∅ | <i>like</i> | danh ngữ |
| | | | | | giới ngữ |
| | C2 | | | <i>as if/ though</i> | giới ngữ |
| | | | | mệnh đề | |
| C3 | | | <i>the same</i> | danh ngữ | |
| D | | ∅ | Vqh | tss | CSS |
| | D1 | | (be) | <i>as... as</i> | danh ngữ |
| | | | | | mệnh đề |
| | | | | <i>like</i> | danh ngữ |
| | | | | | mệnh đề |
| | | | | <i>the same</i> | danh ngữ |
| | D2 | | look | <i>like</i> | danh ngữ |
| | | | | | mệnh đề |
| <i>as if/ though</i> | | | | mệnh đề | |
| | | feel | <i>like</i> | danh ngữ | |
| | | | | mệnh đề | |

3. Liên hệ hình thái - cấu trúc của các thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Anh với các thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Việt

Các nhà Việt ngữ học (Trương Đông San 1974, Hoàng Văn Hành 1976, Nguyễn Công Đức 1995, Đinh Trọng Lạc-Nguyễn Thái Hòa 1995,...) đều có chung quan điểm khi phân chia dạng thức thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Việt có chứa các từ biểu hiện quan hệ so sánh, có chăng chỉ là sự khác nhau về thuật ngữ nhưng nhìn chung thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Việt gồm các thành tố: A (thành tố được so sánh), từ chỉ quan hệ so sánh (*như*), B (thành tố so sánh) dưới 3 dạng thức:

1, A *như* B: đây là dạng thức phổ biến nhất của thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Việt, trong dạng thức này cả ba thành phần so sánh đều có mặt như *bắn như hủi, hiền như bụt, lạnh như tiền...*

2, (A) *như* B: trong dạng thức này thành tố so sánh có thể là không bắt buộc trong cấu trúc như (*gắt như mắt tôm, (nóng) như thiêu, (to) như bò sứt cạp...*

3, *Như* B: trong kết cấu thành ngữ so sánh ngang bằng này không có thành tố được so sánh như *như hai giọt nước, như ma lem, như mớ bông bong...*

Như vậy, HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Việt hoàn toàn giống như HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Anh. Trong các hình thái cấu trúc trên thì “cấu trúc so sánh (*như* B) là bộ phận bắt buộc và ổn định trong thành ngữ so sánh trên cả cấu trúc bề mặt cũng như cấu trúc sâu” và “(t) trong thành ngữ so sánh là về bắt buộc trong cấu trúc sâu, nhưng không nhất thiết phải ổn định trên cấu trúc bề mặt” (Hoàng Văn Hành 1976). Đặc điểm cấu trúc này hoàn toàn tương đương với cấu trúc

as/like/ as if + CSS trong tiếng Anh như đã trình bày ở trên. Thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Việt có thành tố *t* thường là các tính ngữ biểu hiện thuộc tính của sự vật được so sánh, thành tố so sánh B có khi là danh ngữ, mệnh đề, đặc điểm này hoàn toàn tương đương với tiếng Anh.

Các từ biểu hiện quan hệ so sánh trong các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Việt thường chỉ có *như* và *tày* (Hoàng Văn Hành 1976), trong khi đó các từ biểu hiện quan hệ so sánh ngang bằng trong tiếng Anh phong phú hơn, *as, like, as if/ though* và *the same*. Trong các từ biểu hiện quan hệ so sánh tiếng Anh chỉ có từ *as* là thành phần có thể không bắt buộc trong một số cấu trúc của thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh còn các từ quan hệ so sánh khác luôn luôn là thành phần bắt buộc.

4. Kết luận

Từ những phân tích HTCT của các thành ngữ so sánh ngang bằng tiếng Anh cho chúng ta thấy HTCT của thành ngữ so sánh ngang bằng khá phong phú và đa dạng, cả về kết cấu thành ngữ, khả năng kết hợp giữa các thành tố đến sự nhận diện của các thành tố trong HTCT của các thành ngữ so sánh ngang bằng. Sự khác nhau giữa các từ biểu hiện quan hệ mang những sắc thái cú pháp - ngữ nghĩa khác nhau dẫn đến khả năng kết hợp khác nhau và ngữ nghĩa của các thành ngữ so sánh ngang bằng là khác nhau, (vấn đề này chúng tôi sẽ đề cập đến trong một chuyên luận khác).

Khi liên hệ các thành ngữ so sánh ngang bằng trong tiếng Anh với tiếng Việt, bước đầu trên bề mặt ngôn ngữ, chúng ta thấy chúng có rất nhiều điểm tương đồng nhưng thực chất có rất nhiều điểm khác nhau tế nhị mà bài viết này chưa có dịp đề cập đến.

Tài liệu tham khảo

1. Brown, K. et al (2006), *Oxford idioms dictionary for learners of English*, Oxford University Press.
2. Đinh Trọng Lạc - Nguyễn Thái Hòa, (1995), *Phong cách học tiếng Việt*, Nxb GH, Hà Nội.
3. Fernando, C. (1996), *Idioms and idiomaticity*, Oxford University Press, England.
4. Hoàng Văn Hành (2002), *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hành (2008), *Thành ngữ học tiếng Việt*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
6. Hoàng Văn Hành (1976) *Về bản chất của thành ngữ so sánh trong tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, số 1, 1976.
7. Hoàng Tuyết Minh (2002), *Một số lỗi người Việt thường mắc khi sử dụng động từ*

LỖI DỊCH PHƯƠNG TIỆN THAY THẾ...

(tiếp theo trang 23)

14. JUV: Jules Verne - *Around the world in eighty days*, Penguin Group, London, 1994.
15. RAQ: Randolph Quirk et al - *A grammar of contemporary English*, Longman, Essex, 1972.
16. HAH: M.A.K Halliday & R. Hasan - *Cohesion in English*, Longman, London, 1976.
17. MSW: Michael Swan - *Practical English usage*, Oxford, 1991.
18. Diệp Quang Ban (2002), *Giao tiếp, văn bản, mạch lạc, liên kết, đoạn văn* NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
19. Nguyễn Tài Căn (1999), *Ngữ pháp tiếng Việt* (bản in lần thứ sáu), NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
20. Trần Ngọc Thêm (1985), *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội.
21. Hồ Ngọc Trung (2001), *Các phương tiện thay thế cụm động từ trong văn bản tiếng Anh và*

quan hệ tiếng Anh, Ngôn ngữ & Đời sống, số 5.

8. Nguyễn Công Đức (1995), *Bình diện cấu trúc hình thái – ngữ nghĩa của thành ngữ tiếng Việt*, Luận án PTSKH Ngữ văn, TTKHXH & NVQG, Viện Ngôn ngữ học.

9. Nguyễn Lân (1997), *Từ điển thành ngữ và tục ngữ Việt Nam*, NXB KHXH.

10. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (1994), *Từ điển thành ngữ Việt Nam*, Nxb Văn hóa – thông tin.

11. Nguyễn Thế Lịch (2001) *Cấu trúc so sánh trong tiếng Việt*, T/c Ngôn ngữ, số 7 và số 9.

12. Siefiring, J. (2004), *Oxford Dictionary of idioms*, Oxford University Press.

13. Trần Phong Giao (2010), *Từ điển thành ngữ Anh-Việt*, NXB Giao thông Vận tải, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận ngày 05-08-2013)

cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt. Ngữ học trẻ 2001.

22. Hồ Ngọc Trung (2002), *One - phương tiện thay thế cụm danh từ trong văn bản tiếng Anh và cách diễn đạt tương đương trong tiếng Việt*. Ngữ học trẻ 2002.

23. Hồ Ngọc Trung (2003), *Một số yếu tố ngôn ngữ ảnh hưởng đến dịch Anh - Việt và Việt - Anh*. NN & ĐS 11/2003.

24. Hồ Ngọc Trung (2007), *Đặc điểm thay thế của đại từ xưng hô ngôi thứ nhất, ngôi thứ hai và one (trong mối liên hệ với tiếng Việt)*. Hội nghị quốc tế về nghiên cứu khoa học trong giáo dục mở Cát Bà.

25. Hồ Ngọc Trung (2007), *'It' với tư cách là một phương tiện thay thế trong văn bản tiếng Anh (trong mối liên hệ với tiếng Việt)*. NN & ĐS. 6/2007.

26. Hồ Ngọc Trung (2008), *Đặc điểm ngữ pháp - ngữ nghĩa của các hình thái sở hữu tiếng Anh với tư cách là phương tiện thay thế trong văn bản (liên hệ với tiếng Việt)*. NN & ĐS. 10/2008.

(Ban Biên tập nhận ngày 05-08-2013)